

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ trong lĩnh vực
Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân
tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng
nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển
sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên
Huế giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 3047/TTr-SNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và 03 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

Đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; trong thời hạn 10

ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; hoàn thành việc cấu hình TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế; Niêm yết, công khai theo quy định TTHC đã được ban hành tại Quyết định này; Thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này đã được UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế có trách nhiệm:

Niêm yết công khai TTHC này tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của địa phương; Hoàn thành việc cấu hình TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế; Triển khai thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Quyết định này (Phần III. Nội dung thủ tục hành chính).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các TTHC được ban hành kèm theo tại Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và TP Huế;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số 3014 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**PHẦN I: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND
TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (đồng)	Địa điểm và Cách thức thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác	13 ngày làm việc	Không	<p>- Đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện: + Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế) + Qua dịch vụ bưu chính công ích. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). Trường hợp tổ chức nộp hồ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm PVHCC tỉnh để chuyển đến cơ quan chủ quản từng chương trình.</p> <p>- Đối với các dự án, kế hoạch liên kết</p>	Nghị quyết số 26/2023/N Q-HĐND ngày 07/12 /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	<p>- Đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện: + Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chủ quản từng chương trình + Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>- Đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp huyện</p>

				<p>do cơ quan, đơn vị cấp huyện triển khai thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện. + Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. <p>Trường hợp tổ chức nộp hồ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công huyện để chuyển đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế.</p>		<p>triển khai thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế + Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	<p>11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (UBND Cấp xã 02 ngày làm việc, UBND cấp huyện 9 ngày làm việc)</p>	Không	<p>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. <p>Trường hợp tổ chức nộp hồ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.</p>	<p>Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã/Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế. - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện

**PHẦN II: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (3.000229)	Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025	Bãi bỏ TTHC quy định tại Phần I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.
II. Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (3.000230)	Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025	Bãi bỏ TTHC quy định tại Phần I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (3.000231)	Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà	Bãi bỏ TTHC quy định tại Phần I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày

		nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025	13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.
--	--	--	---

PHẦN III. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác

1. Trình tự thực hiện

- Các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết nộp hồ sơ đến cơ quan chủ quản chương trình (Ủy ban nhân dân tỉnh) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập, hoặc giao cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

+ Bước 2: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết.

+ Bước 3: Sau khi Hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch liên kết, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Trường hợp hồ sơ dự án, kế hoạch không đủ điều kiện phê duyệt thì cơ quan chủ quản chương trình phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Các dự án, kế hoạch liên kết do cấp huyện triển khai thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện qua Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, xem xét, kiểm tra tổng hợp hồ sơ và thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

+ Bước 2: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế trình Hội đồng thẩm định hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết.

+ Bước 3: Sau khi Hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch liên kết trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Trường hợp hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua môi trường mạng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a. Thành phần hồ sơ gồm:

(1) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 04 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

(2) Dự án, kế hoạch liên kết (Mẫu số 05 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

(3) Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết (Mẫu số 06 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị chủ trì liên kết (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia).

6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan chủ quản chương trình đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cấp huyện triển khai thực hiện.

Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định:

- Chủ tịch UBND tỉnh đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện.

- Chủ tịch UBND cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết do cấp huyện triển khai thực hiện.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị (Mẫu số 05 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023).

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Có

- Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 04 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

- Dự án, kế hoạch liên kết (Mẫu số 05 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết (Mẫu số 06 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

Mẫu số 04. Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN, KẾ HOẠCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số/Quyết định thành lập ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia, (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị ⁽¹⁾:**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:
2. Địa bàn thực hiện:
3. Quy mô dự án, kế hoạch:
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)
 2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):
...../.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tên bộ, cơ quan trung ương hoặc đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương theo ủy quyền.

- Điện thoại: Fax: Email:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(Kèm theo biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và đơn vị tham gia liên kết).

3. Đơn vị liên kết thứ ... :

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

4. Số lượng người dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia dự án, liên kết

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án, kế hoạch liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

(Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;....)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần III**CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ****I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT**

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Ngày ... tháng ... năm ..., tại.....,
chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

3. Đơn vị liên kết thứ ... :

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT**

1. Địa bàn liên kết
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết
3. Quy mô liên kết
4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch
2. Số vốn đề nghị hỗ trợ
3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án, kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ trì liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP (NẾU CÓ)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-....

..., ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Tiểu dự án/Dự án - Chương trình MTQG...năm...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia.....

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm.....

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án của.....

Xét Hồ sơ đề nghị đề nghị hỗ trợ của.....;

Căn cứ Biên bản họp thẩm định.....

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất (ghi rõ tên dự án) thuộc Tiểu dự án/Dự án - Chương trình MTQG.....năm....., với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án, kế hoạch:.....
2. Tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết:.....
3. Thời gian triển khai:.....
4. Địa bàn thực hiện:.....
5. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)):.....
6. Nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động:.....
7. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ:.....

8. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:.....

9. Phương án mua sắm và đầu môi thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có):.....

10. Nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia:.....

11. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

Điều 2. Căn cứ Quyết định giao nhiệm vụ, Thủ trưởng, tổ chức thực hiện theo đúng nội dung giao nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Lưu: VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

II. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đại diện cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện để thẩm định và phê duyệt dự án, phương án (đối với dự án, phương án có quy mô nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị cấp xã trở lên thì đại diện cộng đồng dân cư gửi hồ sơ trực tiếp lên Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định dự án, phương án.

- Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất. Trường hợp hồ sơ dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất không đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua môi trường mạng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a. Thành phần hồ sơ gồm:

(1) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023).

(2) Dự án, phương án sản xuất cộng đồng (Mẫu số 02 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023).

(3) Biên bản họp dân (Mẫu số 03 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023).

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Trong đó: UBND Cấp xã 02 ngày làm việc, UBND cấp huyện 9 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cộng đồng dân cư (theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ thì “Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã

chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi”).

6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các huyện; Thị xã và thành phố Huế.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị (*Mẫu số 04 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023*).

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Có

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023*).
- Dự án, phương án sản xuất cộng đồng (*Mẫu số 02 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023*).
- Biên bản họp dân (*Mẫu số 03 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023*).

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ dự án (phương án) phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình

.....
Kính gửi:

Tên tổ chức thực hiện dự án, phương án:.....
Người đại diện theo ủy quyền:
Chức vụ:.....
Số CCCD hoặc CMND:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Sơ lược tình hình chung của nhóm
- Số hộ tham gia dự án, phương án (danh sách tham gia, hộ nghèo, cận nghèo,.....)
- Tên dự án, phương án phát triển sản xuất:.....
- Thời gian triển khai:
- Địa bàn thực hiện:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:
 2. Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:
 3. Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại:.....
 4. Hỗ trợ chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:
 5. Hỗ trợ quản lý, xây dựng dự án, phương án:.....
 6. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tổ nhóm cộng đồng) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Đối với tổ, nhóm cộng đồng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN

1. Tên tổ, nhóm cộng đồng thực hiện dự án, phương án:.....
2. Người đại diện theo ủy quyền (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc):.....
3. Danh sách cộng đồng tham gia dự án, phương án:.....
4. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
5. Thời gian triển khai:.....
6. Địa bàn thực hiện:
7. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm:.....
8. Tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm:.....
9. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có):.....
10. Kết quả thực hiện dự án:.....
11. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có):.....
12. Nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật:.....
13. Các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có):.....
14. Nội dung khác (nếu có):...../.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Đối với tổ, nhóm cộng đồng)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
(ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ.....
Thôn/Bản/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20....., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản.....tổ chức họp để:.....(nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia:.....)

Đại diện UBND xã:

Ông/bà:.....chức vụ.....

Ông/bà:.....chức vụ.....

Thôn/bản.....

Ông/bà:..... Chức vụ: Trưởng thôn/bản (chủ trì cuộc họp)

Ông/bà:.....(thư ký cuộc họp)

Tổng số hộ dân:...../.....hộ tham gia

2. Nội dung cuộc họp:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án....

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có);

- Thành lập tổ/ nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với các thôn/bản chưa có tổ/nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra người đại diện theo ủy quyền và các thành viên.

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/nhóm cộng đồng).....tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.....do ông/bà..... làm người đại diện theo ủy quyền. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồm.....thành viên danh sách cụ thể như sau:

Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

STT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, xã)	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Số căn cước công dân/ngày cấp/nơi cấp	Chức danh	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
							Người đại diện theo ủy				

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ
QUẢN TRỰC TIẾP (NẾU CÓ)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Mẫu số 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-....

..., ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng
đồng thuộc Tiểu dự án/Dự án - Chương trình MTQG...năm...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ
Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm
2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia.....*

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm.....

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án của.....

Xét Hồ sơ đề nghị đề nghị hỗ trợ của.....;

Căn cứ Biên bản họp thẩm định.....

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất (ghi rõ
tên dự án) thuộc Tiểu dự án/Dự án - Chương trình MTQG.....năm....., với các nội
dung chính như sau:

1. Tên dự án, phương án;:.....
2. Người đại diện theo ủy quyền và danh sách cộng đồng tham gia dự
án:.....
3. Thời gian triển khai:.....
4. Địa bàn thực hiện:.....
5. Đối tượng tham gia dự án:.....
6. Các hoạt động của dự án:.....
7. Dự toán kinh phí chi tiết:.....

8. Nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):.....

9. Nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động:.....

10. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ:.....

11. Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án):.....

12. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có):.....

13. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):.....

Điều 2. Căn cứ Quyết định giao nhiệm vụ, Thủ trưởng, tổ chức thực hiện theo đúng nội dung giao nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Lưu: VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)